

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT, CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: Khoa Kế toán - Kiểm toán

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
	2022												
1	Kiểm toán	2254100022	Đình Quốc	Thái	20/08/2004	2022	ĐH	4.00	95	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
2	Kiểm toán	2254102033	Lê Hoàng	Minh	23/12/2004	2022	ĐH	3.83	90	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
3	Kiểm toán	2254102060	Trần Thị Thu	Thảo	03/10/2003	2022	ĐH	3.83	100	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
4	Kiểm toán	2254102088	Lê Thị Kim	Vy	21/05/2004	2022	ĐH	3.83	90	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
5	Kiểm toán	2254102031	Hoàng Xuân	Mai	01/10/2004	2022	ĐH	3.67	96	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
6	Kiểm toán	2254102022	Nguyễn Đặng Hoàng	Lan	02/11/2004	2022	ĐH	3.67	91	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
7	Kiểm toán	2254042191	Nguyễn Thị	Thanh	23/04/2004	2022	ĐH	3.67	91	Xuất sắc	5,922,000	100%	5,922,000
8	Kiểm toán	2254102049	Trương Thị Trúc	Quyên	02/04/2004	2022	ĐH	3.83	80	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
9	Kiểm toán	2254102073	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	08/10/2004	2022	ĐH	3.83	85	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
10	Kiểm toán	2254040040	Trần Gia	Huy	29/02/2004	2022	ĐH	3.67	84	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
11	Kiểm toán	2254042074	Vũ Anh	Huy	25/03/2003	2022	ĐH	3.67	85	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
12	Kiểm toán	2254100018	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	09/02/2004	2022	ĐH	3.67	89	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
13	Kiểm toán	2254102017	Trần Trọng	Hoàng	19/06/2004	2022	ĐH	3.67	83	Giỏi	5,922,000	70%	4,145,400
14	Kế toán	2254040016	Đình Tiến	Đạt	25/01/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
15	Kế toán	2254040029	Đỗ Thị Thuý	Hằng	20/10/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
16	Kế toán	2254042116	Lê Hoàng Khánh	Ngân	09/06/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
17	Kế toán	2254042145	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/11/2004	2022	ĐH	4.00	97	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
18	Kế toán	2254040130	Trần Thảo Đoan	Trang	20/04/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
19	Kế toán	2254042229	Đặng Thị Quỳnh	Trang	19/07/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
20	Kế toán	2254040005	Nguyễn Ngọc	Ánh	14/09/2004	2022	ĐH	4.00	92	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
21	Kế toán	2254040128	Trù Thanh Ngọc	Trân	13/06/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
22	Kế toán	2254040074	Văn Thị Hồng	Ngọc	26/11/2004	2022	ĐH	4.00	92	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
23	Kế toán	2254040092	Nguyễn Trần Thảo	Phương	09/09/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
24	Kế toán	2254042224	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	26/10/2004	2022	ĐH	4.00	91	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
25	Kế toán	2254040038	Nguyễn Văn Quốc	Huy	24/03/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
26	Kế toán	2254040017	Huỳnh Thị Kiều	Diễm	07/07/2004	2022	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
27	Kế toán	2254042148	Trần Hà	Nhi	05/10/2004	2022	ĐH	3.75	100	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
28	Kế toán	2254040117	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/02/2004	2022	ĐH	3.75	94	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
29	Kế toán	2254040028	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	06/02/2004	2022	ĐH	3.75	90	Xuất sắc	3,948,000	100%	3,948,000
30	Kế toán	2254042052	Hồ Trần Thu	Hà	30/10/2004	2022	ĐH	4.00	83	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
31	Kế toán	2254042206	Lê Thị Thanh	Thiện	01/05/2004	2022	ĐH	4.00	83	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
32	Kế toán	2254042036	Trần Hoàng Thiên	Dung	28/11/2004	2022	ĐH	4.00	85	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
33	Kế toán	2254040141	Trần Ngọc Phương	Uyên	24/06/2004	2022	ĐH	4.00	82	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
34	Kế toán	2254100014	Nguyễn Thị	Ngọc	20/10/2004	2022	ĐH	4.00	80	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
35	Kế toán	2254042205	Phạm Trần Đông	Thi	25/11/2004	2022	ĐH	4.00	81	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
36	Kế toán	2254042211	Ngô Ngọc Gia	Thư	15/12/2004	2022	ĐH	4.00	85	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
37	Kế toán	2254040137	Huỳnh Thị Kim	Tuyền	08/10/2004	2022	ĐH	4.00	86	Giỏi	3,948,000	70%	2,763,600
	2023												
38	Kiểm toán	2354100022	DƯƠNG THỊ NGỌC	HOÁNG	21/12/2005	2023	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
39	Kiểm toán	2354100086	NGUYỄN HUYỀN	TRÂN	11/09/2005	2023	ĐH	4.00	98	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
40	Kiểm toán	2354100090	NGUYỄN PHẠM KIM	UYÊN	31/05/2005	2023	ĐH	3.90	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
41	Kiểm toán	2354100061	TẠ KIM THU	PHƯƠNG	07/07/2004	2023	ĐH	3.90	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
42	Kiểm toán	2354100068	ĐÀO THỊ MỸ	THIỆN	24/07/2005	2023	ĐH	3.85	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
43	Kiểm toán	2354100092	VŨ THỊ TUỜNG	VÂN	03/06/2005	2023	ĐH	3.80	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
44	Kiểm toán	2354100049	LÊ TRÚC	NHI	15/01/2005	2023	ĐH	3.70	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
45	Kiểm toán	2354100016	BÙI HỮU	ĐỨC	24/12/2005	2023	ĐH	3.70	90	Xuất sắc	6,236,000	100%	6,236,000
46	Kế toán	2354040314	HÀ THỊ	TRANG	28/06/2005	2023	ĐH	4.00	98	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
47	Kế toán	2354040187	PHAN KIM	NGÂN	24/10/2005	2023	ĐH	4.00	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
48	Kế toán	2354040171	VŨ NHẬT	MINH	08/12/2005	2023	ĐH	3.92	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
49	Kế toán	2354040236	NGUYỄN HOÀN	PHÚ	13/01/2005	2023	ĐH	3.88	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
50	Kế toán	2354040331	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	26/12/2005	2023	ĐH	3.81	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
51	Kế toán	2354040102	LÊ THỊ THU	HỒNG	18/09/2005	2023	ĐH	3.73	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
52	Kế toán	2354040075	THÁI THỊ CẨM	GIANG	06/01/2005	2023	ĐH	3.69	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
53	Kế toán	2354040043	TẠ NGỌC	BÌNH	28/11/2005	2023	ĐH	3.65	90	Xuất sắc	8,210,000	100%	8,210,000
54	Kế toán	2354040133	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	10/12/2005	2023	ĐH	4.00	81	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
55	Kế toán	2354040026	VỠ THỊ MINH	ANH	20/10/2005	2023	ĐH	4.00	83	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
56	Kế toán	2354040272	THỜI LÊ NGỌC	THẢO	16/09/2005	2023	ĐH	4.00	83	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
57	Kế toán	2354040377	CAO HẠ	VY	29/05/2005	2023	ĐH	4.00	83	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
58	Kế toán	2354040050	HỨA KIỀU	DIỄM	25/11/2005	2023	ĐH	4.00	84	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
59	Kế toán	2354040205	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NGUYÊN	17/02/2005	2023	ĐH	3.92	83	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
60	Kế toán	2354040235	TÔ THÀNH	PHÁT	09/07/2005	2023	ĐH	3.92	84	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
61	Kế toán	2354040294	PHAN NGUYỄN ANH	THU'	28/03/2005	2023	ĐH	3.85	83	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
62	Kế toán	2354040246	ĐỖ THỊ KIM	PHƯƠNG	10/02/2005	2023	ĐH	3.85	81	Giỏi	8,210,000	70%	5,747,000
	2024												
63	Kiểm toán	2454102010	Trần Thị Kiều	Diễm	20/08/2006	2024	ĐH	3.67	90	Xuất sắc	6,930,000	100%	6,930,000
64	Kiểm toán	2454100006	Trần Trung	Hậu	20/06/2006	2024	ĐH	3.67	96	Xuất sắc	6,930,000	100%	6,930,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
65	Kiểm toán	2454100012	Lê Đỗ Hồng	Nhung	08/10/2006	2024	ĐH	3.67	90	Xuất sắc	6,930,000	100%	6,930,000
66	Kiểm toán	2454102132	Đặng Quốc	Việt	02/09/2006	2024	ĐH	4.00	84	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
67	Kiểm toán	2454102120	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	09/03/2006	2024	ĐH	3.83	83	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
68	Kiểm toán	2454100008	Đỗ Đan	Lê	20/04/2006	2024	ĐH	3.83	86	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
69	Kiểm toán	2454102108	Ngô Thị Minh	Thư	15/08/2006	2024	ĐH	3.67	80	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
70	Kiểm toán	2454102065	Đinh Thị Cẩm	Ngọc	01/08/2006	2024	ĐH	3.33	88	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
71	Kiểm toán	2454102081	Nguyễn	Pha	28/09/2006	2024	ĐH	3.67	71	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
72	Kiểm toán	2454102145	Nguyễn Ngọc Như	Ý	01/09/2006	2024	ĐH	3.50	74	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
73	Kiểm toán	2454102101	Nguyễn Gia	Thịnh	23/03/2005	2024	ĐH	3.50	79	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
74	Kiểm toán	2454102143	Phạm Văn Bảo	Yến	17/09/2006	2024	ĐH	3.17	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
75	Kiểm toán	2454102090	Đào Xuân	Quỳnh	06/07/2006	2024	ĐH	3.17	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
76	Kiểm toán	2454102109	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/10/2006	2024	ĐH	3.17	77	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
77	Kiểm toán	2454100001	Ngô Thị Kiều	Anh	12/11/2006	2024	ĐH	3.17	82	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
78	Kiểm toán	2454100003	Trần Thị Khánh	Chi	15/10/2006	2024	ĐH	3.17	90	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
79	Kiểm toán	2454102129	Đào Thị Thúy	Vân	01/01/2006	2024	ĐH	3.17	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
80	Kế toán	2454042098	Vũ Thị Thanh	Hoài	08/11/2006	2024	ĐH	3.83	80	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
81	Kế toán	2454042155	Huỳnh Thị Hương	Lý	06/06/2006	2024	ĐH	3.50	89	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
82	Kế toán	2454042027	Vũ Thị Nhật	Ánh	10/12/2006	2024	ĐH	3.50	83	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
83	Kế toán	2454042150	Lương Thanh	Lộc	18/11/2006	2024	ĐH	3.50	89	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
84	Kế toán	2454042137	Hoàng Yến	Linh	21/04/2006	2024	ĐH	3.33	85	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
85	Kế toán	2454042283	Trần Thị Mai	Thùy	20/04/2006	2024	ĐH	3.33	80	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
86	Kế toán	2454042091	Đỗ Thụy Thu	Hiền	14/04/2006	2024	ĐH	3.33	83	Giỏi	6,930,000	70%	4,851,000
87	Kế toán	2454042055	Hà Tấn	Đạt	18/11/2006	2024	ĐH	3.50	66	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
88	Kế toán	2454040005	Lại Ngọc Bảo	Châu	02/10/2006	2024	ĐH	3.33	72	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
89	Kế toán	2454042130	Huỳnh	Lam	30/11/2006	2024	ĐH	3.17	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
90	Kế toán	2454040013	Nguyễn Văn	Hiếu	03/04/2006	2024	ĐH	3.17	92	Khá	6,930,000	50%	3,465,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
91	Kế toán	2454042322	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/07/2006	2024	ĐH	3.17	97	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
92	Kế toán	2454042107	Đinh Thị	Huyền	16/10/2006	2024	ĐH	3.17	93	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
93	Kế toán	2454042163	Hồ Thị Diệu	Minh	29/10/2006	2024	ĐH	3.17	90	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
94	Kế toán	2454040045	Kiều Anh	Thư	18/09/2006	2024	ĐH	3.17	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
95	Kế toán	2454042211	Bùi Thảo	Nhi	22/11/2006	2024	ĐH	3.17	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
96	Kế toán	2454042120	Phạm Lê	Kha	02/11/2006	2024	ĐH	3.17	84	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
97	Kế toán	2454042112	Đỗ Thị Thu	Hương	29/08/2006	2024	ĐH	3.17	65	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
98	Kế toán	2454042243	Nguyễn Hồng Như	Quý	16/01/2006	2024	ĐH	3.17	99	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
99	Kế toán	2454042041	Hoàng Thị	Diệu	10/05/2006	2024	ĐH	3.00	73	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
100	Kế toán	2454042251	Đặng Thị Kim	Sinh	02/04/2006	2024	ĐH	3.00	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
101	Kế toán	2454042110	Phạm Nguyễn Khánh	Hung	10/02/2006	2024	ĐH	3.00	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
102	Kế toán	2454042157	Phạm Thị Thu	Lý	17/07/2006	2024	ĐH	3.00	89	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
103	Kế toán	2454042278	Tiêu Bùi Minh	Thu	07/04/2006	2024	ĐH	3.00	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
104	Kế toán	2454042064	Đinh Thị Trà	Giang	13/03/2006	2024	ĐH	3.00	79	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
105	Kế toán	2454042227	Trịnh Gia	Như	04/05/2006	2024	ĐH	3.00	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
106	Kế toán	2454042310	Nguyễn Thùy	Trang	28/02/2006	2024	ĐH	2.83	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
107	Kế toán	2454042054	Nguyễn Hà	Dương	25/09/2006	2024	ĐH	2.83	75	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
108	Kế toán	2454042255	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	04/09/2006	2024	ĐH	2.83	100	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
109	Kế toán	2454042324	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	15/11/2006	2024	ĐH	2.83	73	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
110	Kế toán	2454042387	Thang Huỳnh Như	Ý	24/12/2006	2024	ĐH	2.83	72	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
111	Kế toán	2454042202	Kha Hoàng	Nguyên	17/07/2006	2024	ĐH	2.83	72	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
112	Kế toán	2454042012	Nguyễn Phạm Trâm	Anh	22/03/2006	2024	ĐH	2.83	83	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
113	Kế toán	2454042102	Nguyễn Vũ Thanh	Huy	19/11/2006	2024	ĐH	2.83	95	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
114	Kế toán	2454042265	Lê Thanh	Thảo	01/10/2006	2024	ĐH	2.83	75	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
115	Kế toán	2454040030	Phan Trà	My	27/12/2006	2024	ĐH	2.83	90	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
116	Kế toán	2454040026	Nguyễn Thị Ngọc	Luyến	23/07/2006	2024	ĐH	2.83	79	Khá	6,930,000	50%	3,465,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
117	Kế toán	2454042223	Nguyễn Thị Ngọc	Như	21/04/2006	2024	ĐH	2.67	95	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
118	Kế toán	2454042240	Nhìn Đức	Quốc	16/01/2006	2024	ĐH	2.67	88	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
119	Kế toán	2454042274	Hồ Thị Mỹ	Thế	01/03/2006	2024	ĐH	2.67	80	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
120	Kế toán	2454042048	Nguyễn Thanh	Duy	18/04/2006	2024	ĐH	2.67	97	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
121	Kế toán	2454042127	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	27/07/2006	2024	ĐH	2.67	74	Khá	6,930,000	50%	3,465,000
122	Kế toán	2454042382	Biện Thị Như	Ý	28/01/2006	2024	ĐH	2.67	66	Khá	6,930,000	50%	3,465,000

Xuất sắc: 42 Sinh viên

Giỏi: 35 Sinh viên

Khá: 45 Sinh viên

Tổng cộng: 122

Tổng số tiền HBKKHT: 553,821,200 đồng

(Bằng chữ: năm trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi một ngàn hai trăm đồng)

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO PHÒNG CTSVTT

KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Lê Xuân Trường

Trần Văn Trí

Trần Tuyết Thanh